TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST
Ngày: 23-7-2019
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí
Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 628/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Ngân hàng C.

Địa chỉ: 169, phố L, phường H, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Công N – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2016).

Ông N ủy quyền lại cho ông Nguyễn Sỹ C – Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2018).

Địa chỉ liên hệ: Xa lộ Hà Nội, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

***Bị đơn**: Bà Bùi Thị Thu D, sinh năm 1959.

Địa chỉ: K4/270D, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Bà D ủy quyền cho ông Phạm Hoàng S theo văn bản ủy quyền ngày 22/7/2019).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: ông Phạm Hoàng S, sinh năm 1958.

Địa chỉ: K4/270D, khu phố 2, phường B, thành phố Biên Hòa , tỉnh Đồng Nai.

(Ông C và ông S có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Sỹ C trình bày:

Căn cứ hồ sơ vay vốn của bà Bùi Thị Thu D tại Chi nhánh Ngân hàng C và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ ngày 05/11/2007, bà Bùi Thị Thu D có thỏa thuận vay của Ngân hàng C số tiền 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) trong chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Cụ thể các thỏa thuận về số tiền giải ngân từng lần, lãi suất, thời hạn được ghi nhận trong hồ sơ vay vốn. Ông Phạm Hoàng S là chồng bà D có ký tên trên sổ vay vốn để xác định cùng chịu trách nhiệm với bà D về khoản vay chung này.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, Chi nhánh Ngân hàng C đã giải ngân cho bà D tổng số tiền: 40.600.000đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng) để chi phí học tập cho hai con là sinh viên, trong đó:

+ Sinh viên Phạm Thị Loan K: số tiền vay là 20.600.000 đồng, thời hạn vay được xác định lại là 85 tháng, lãi suất cho vay là 0,5%/tháng, hạn trả nợ là ngày 07/12/2014.

+ Sinh viên Phạm Thị Kiều M: số tiền vay là 20.000.000 đồng, thời hạn vay được xác định lại là 85 tháng, lãi suất cho vay là 0,5%/tháng, hạn trả nợ là ngày 07/12/2014.

Đến hạn trả nợ nhưng bà D, ông S vẫn chưa trả được, Ngân hàng C đã gia hạn nợ cho bà D, ông S nhiều lần và hạn trả nợ cuối cùng được xác định là ngày 07/12/2016. Ngày 08/12/2016, Ngân hàng C đã chuyển toàn bộ số nợ của bà D S nợ quá hạn.

Trên cơ sở những nội D đã trình bày trên, Ngân hàng C kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xem xét giải quyết tranh chấp như sau:

Buộc bà Bùi Thị Thu D và ông Phạm Hoàng S có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/7/2019 là 66.744.683 đồng; trong đó, nợ gốc là 40.600.000 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi tính đến ngày 23/7/2019 là 26.144.683 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng). Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào để bổ sung.

- Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho bà Bùi Thị Thu D đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- Theo lời trình bày tại phiên tòa của ông Phạm Hoàng S - người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Bùi Thị Thu D thừa nhận việc bà Bùi Thị Thu D và ông Phạm Hoàng S có vay của Ngân hàng C số tiền 40.600.000đồng để cho hai con của ông bà là Phạm Thị Loan K và Phạm Thị Kiều M đi học là đúng. Tuy nhiên, do ngân hàng không thực hiện đúng việc giải ngân tiền vay đầy đủ như thỏa

thuận mà ngưng giữa chừng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị Thu D và ông Phạm Hoàng S có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/7/2019 là 66.744.683 đồng; trong đó, nợ gốc là 40.600.000 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi tính đến ngày 23/7/2019 là 26.144.683 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng) thì bà D không đồng ý. Bà D và ông S chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng ½ tiền nợ gốc là 20.300.000 đồng (Hai mươi triệu, ba trăm ngàn đồng). Ngoài ra, bà D không có ý kiến gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào để bổ sung

- Theo bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Hoàng S trình bày:

Ông S thừa nhận việc ông và bà Bùi Thị Thu D có vay của Ngân hàng C số tiền 40.600.000 đồng để cho hai con của ông bà là Phạm Thị Loan K và Phạm Thị Kiều M đi học là đúng. Tuy nhiên, do ngân hàng không thực hiện đúng việc giải ngân tiền vay đầy đủ như thỏa thuận mà ngưng giữa chừng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị Thu D có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/7/2019 là 66.744.683 đồng; trong đó, nợ gốc là 40.600.000 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi tính đến ngày 23/7/2019 là 26.144.683 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng) thì ông không đồng ý. Ông S và bà D chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng ½ tiền nợ gốc là 20.300.000 đồng (Hai mươi triệu, ba trăm ngàn đồng). Ngoài ra, ông S không có ý kiến gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào để bổ sung.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bà D ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Bùi Thị Thu D và ông Phạm Hoàng S phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/7/2019 là 66.744.683 đồng; trong đó, nợ gốc là 40.600.000đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi tính đến ngày 23/7/2019 là 26.144.683 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng). Về án phí, bà D và ông S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Sổ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ ngày 05/11/2007 xác định bà Bùi Thị Thu D, sinh năm 1959, có nơi cư trú tại K4/270D, khu phố 2, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ cho bà D về việc thụ lý vụ án, làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 22/7/2019, bà D có văn bản ủy quyền cho ông S tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng C khởi kiện bà Bùi Thị Thu D, sinh năm 1959, có nơi cư trú tại K4/270D, khu phố 2, phường B, thành phố Biên Hòa , tỉnh Đồng Nai tranh chấp số tiền cho vay và tiền lãi theo Sổ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ ngày 05/11/2007. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 05/11/2007, bà Bùi Thị Thu D có vay của Ngân hàng C nợ gốc là 40.600.000 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng). Tại phiên tòa, ông S xác định từ năm 2014, 2015 và 2016, cán bộ tổ vay vốn của phường B và của Ngân hàng C có tới gặp ông bà để làm việc về khoản nợ trên, nhưng ông bà không đồng ý trả nên vụ việc kéo dài tới nay. Ngày 06/3/2016, Ngân hàng C có văn bản xác định thời hạn cuối cùng để bà D trả nợ là đến ngày 07/12/2016. Đến ngày 24/10/2018, Ngân hàng C nộp đơn khởi kiện. Căn cứ Điều 429, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Ngân hàng C căn cứ vào chứng cứ là "Công văn 721 ngày 24/9/2010; kết quả rà soát đối tượng vay vốn; thông báo 918 ngày 06/12/2010; Danh sách hộ vay không được tiếp tục giải ngân; sổ vay vốn kèm theo phân kỳ trả nợ; Danh sách hộ vay vốn; giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ; sổ lưu theo dõi; giấy xác nhận sinh viên theo học; giấy đề nghị gia hạn nợ; Quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên; Hướng dẫn thực hiện cho vay vốn đối với học sinh, sinh viên; Thông báo 231 ngày 31/8/2010; Văn bản 2287 ngày 16/9/2010; Giấy báo nợ quá hạn; Bảng kê tiền lãi" thể hiện nội D bà D xác nhận đã vay của Ngân hàng C số tiền gốc 40.600.000 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng) vào năm 2007. Quá trình làm việc, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ cho bà D về việc thụ lý vụ án, làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bà D vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho sự phản đối đó. Tại phiên tòa, ông Phạm Hoàng S là người đại diện theo ủy quyền của bà D và đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận việc ông và vợ là bà Bùi Thị Thu D có vay của Ngân hàng C số tiền 40.600.000 đồng để cho hai con của ông bà là

Phạm Thị Loan K và Phạm Thị Kiều M đi học là đúng, nhưng ông bà không đồng ý trả hết số tiền nợ gốc nói trên mà chỉ đồng ý trả ½ là 20.300.000 đồng và không trả tiền lãi phát sinh. Như vậy, việc Ngân hàng C cho bà Bùi Thị Thu D và ông Phạm Hoàng S vay tín dụng để hai con đi học là có thật, được các bên thừa nhận.

Việc Ngân hàng C chấm dứt việc giải ngân cho vay đối với bà Bùi Thị Thu D là do chính sách của Nhà nước thay đổi, không phải do ý chí chủ quan của Ngân hàng. Việc ông S và bà D cho rằng Ngân hàng vi phạm trách nhiệm cam kết giải ngân cho chương trình học của hai con ông, làm hai con ông phải bỏ học giữa chừng nên vợ chồng ông không đồng ý trả nợ là không có căn cứ.

Do đó, việc Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà D và ông S phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/7/2019 là 66.744.683 đồng; trong đó, nợ gốc là 40.600.000 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi tính đến ngày 23/7/2019 là 26.144.683 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C buộc bà Bùi Thị Thu D và ông Phạm Hoàng S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/7/2019 là: 66.744.683 đồng; trong đó, nợ gốc là 40.600.000đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi tính đến ngày 23/7/2019 là: 26.144.683 đồng.

[5]Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết. Bà D và ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.337.000 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi bảy ngày đồng).

[6] Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 220, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc bà Bùi Thị Thu D và ông Phạm Hoàng S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/7/2019 là 66.744.683 đồng; trong đó, nợ gốc là 40.600.000 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi tính đến ngày 23/7/2019 là 26.144.683 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Bùi Thị Thu D và ông Phạm Hoàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.337.000 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi bảy ngày đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/7/2019) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng C, bà Bùi Thị Thu D và ông Phạm Hoàng S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. B (02);
- Chi cục THADS TP. B (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu HS-VP (03).

Nguyễn Thị Hoàng Phương